

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN

-----❧❧❧-----

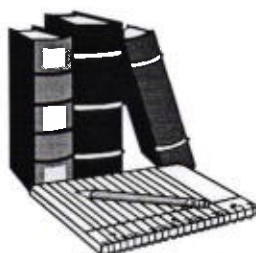


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----❧❧❧-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2019

-----❧❧❧-----



Nơi nhận:

Bình Định, ngày 21 tháng 01 năm 2020

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	2 - 3
3. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp từ ngày 01/01/2019 -> 31/12/2019	4
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp từ ngày 01/01/2019 -> 31/12/2019	5 - 6
5. Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp từ ngày 01/01/2019 -> 31/12/2019	7 - 30

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Mẫu B01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		154.663.839.251	188.408.382.179
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.105.219.271	18.977.912.409
1. Tiền	111		19.105.219.271	18.977.912.409
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
III. Các khoản phải thu	130		109.252.951.734	128.525.046.881
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	14.174.355.331	50.083.314.712
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	60.616.251.180	62.093.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		18.410.000.000	12.380.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	17.909.740.369	5.761.674.356
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6a	(1.857.395.146)	(1.792.942.187)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	25.966.379.697	38.897.960.822
1. Hàng tồn kho	141		25.966.379.697	38.897.960.822
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		339.288.549	2.007.462.067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	339.288.549	155.218.397
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.852.243.670
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	-
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		300.171.793.896	300.740.776.907
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	-
II. Tài sản cố định	220		63.787.257.591	66.762.230.584
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	52.254.616.231	54.907.448.936
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>101.610.919.840</i>	<i>102.062.034.884</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(49.356.303.609)</i>	<i>(47.154.585.948)</i>
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.532.641.360	11.854.781.648
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>13.661.264.000</i>	<i>13.661.264.000</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(2.128.622.640)</i>	<i>(1.806.482.352)</i>
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	40.362.774.729	40.928.847.069
<i>Nguyên giá</i>	231		<i>50.049.350.032</i>	<i>49.918.690.032</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		<i>(9.686.575.303)</i>	<i>(8.989.842.963)</i>
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	6.389.748.881	6.959.835.894
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		5.758.621.872	5.206.159.885
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		631.127.009	1.753.676.009
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	181.672.290.346	177.804.402.625
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	38.196.355.290	33.196.355.290
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	138.040.333.312	138.040.333.312
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	7.451.619.996	7.451.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.016.018.252)	(883.905.973)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.959.722.349	8.285.460.735
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	6.298.709.430	5.915.274.122
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	1.661.012.919	2.370.186.613
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		454.835.633.147	489.149.159.086

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		140.396.097.302	178.463.894.818
I. Nợ ngắn hạn	310		68.240.927.519	117.470.672.148
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	4.809.829.134	14.663.234.359
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15a	6.585.631.468	6.627.689.603
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.190.113.213	1.246.845.965
4. Phải trả người lao động	314		3.606.172.010	4.003.125.632
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	757.232.452	587.126.555
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19a	3.037.370.971	2.771.269.807
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	4.708.155.331	2.026.379.408
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	41.230.267.654	83.451.000.345
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1.316.155.286	2.094.000.474
II. Nợ dài hạn	330		72.155.169.783	60.993.222.670
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19b	72.155.169.783	60.993.222.670
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	-	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		314.439.535.845	310.685.264.268
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	314.439.535.845	310.685.264.268
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.397.496.193	11.397.496.193
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.042.039.652	24.287.768.075
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		42.245.928	(9.441.436.129)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.999.793.724	33.729.204.204
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		454.835.633.147	489.149.159.086

Bình Định, ngày 24 tháng 01 năm 2020


Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởngĐông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2019 -> 31/12/2019

Mẫu B02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 4		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			(01/10/2019 -> 31/12/2019)	(01/10/2018 -> 31/12/2018)	(01/01/2019 -> 31/12/2019)	(01/01/2018 -> 31/12/2018)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	45.192.869.515	122.792.664.773	408.617.184.267	427.967.571.063
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	VI.1	45.192.869.515	122.792.664.773	408.617.184.267	427.967.571.063
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	33.351.431.851	98.921.752.508	369.865.351.146	371.392.269.845
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20		11.841.437.664	23.870.912.265	38.751.833.121	56.575.301.218
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.879.749.017	7.887.759.257	23.004.560.693	18.364.775.897
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.020.080.807	(1.255.896.113)	4.591.235.644	990.847.777
Trong đó: chi phí lãi vay	23		567.278.875	863.971.070	3.063.241.138	2.121.599.150
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.045.910.507	9.043.580.571	11.943.634.064	22.810.181.977
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4.221.691.389	3.035.235.101	14.014.822.146	14.797.084.423
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.433.503.978	20.935.751.963	31.206.701.960	36.341.962.938
11. Thu nhập khác	31	VI.7	353.361.818	449.372.334	183.991.295	1.081.080.093
12. Chi phí khác	32	VI.8	321.516	-	528.588	4.877.486
13. Lợi nhuận khác	40		353.040.302	449.372.334	183.462.707	1.076.202.607
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.786.544.280	21.385.124.297	31.390.164.667	37.418.165.545
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.084.639.165	2.239.595.967	2.681.197.249	3.688.961.341
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		78.828.723	-	709.173.694	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		20.623.076.392	19.145.528.330	27.999.793.724	33.729.204.204
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		x	x	x	x
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		x	x	x	x

Bình Định, ngày 21 tháng 01 năm 2020



Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**Mẫu B03 - DN**

Theo phương pháp gián tiếp

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Từ ngày 01/01/2019 -> 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay (01/01/2019 -> 31/12/2019)	Năm trước (01/01/2018 -> 31/12/2018)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.390.164.667	37.418.165.545
2. Điều chỉnh cho các khoản:			(11.922.678.519)	(11.151.686.126)
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	VII.1	5.990.517.869	6.441.438.761
- Các khoản dự phòng	03	VII.2	1.196.565.238	(2.622.757.034)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		29.089.277	222.436.765
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII.3	(22.202.092.041)	(17.314.403.768)
- Chi phí lãi vay	06		3.063.241.138	2.121.599.150
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.467.486.148	26.266.479.419
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		39.470.681.450	(36.415.203.014)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.379.119.138	24.158.995.542
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		4.125.490.689	2.851.757.295
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(567.505.460)	(975.355.667)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.085.186.662)	(2.081.288.675)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.836.154.051)	(3.189.214.386)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.090.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.200.457.335)	(1.215.799.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		67.755.563.917	9.400.371.014
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.602.413.455)	(1.266.429.236)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		312.727.272	346.363.636

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay (01/01/2019 -> 31/12/2019)	Năm trước (01/01/2018 -> 31/12/2018)
3. Tiền cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.220.780.000)	(9.980.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.190.780.000	850.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.000.000.000)	(4.420.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		9.766.251.096	12.087.854.087
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.553.435.087)	(2.382.211.513)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.4	138.576.308.674	288.696.824.638
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.5	(180.826.302.915)	(257.791.019.493)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.825.000.000)	(22.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(65.074.994.241)	8.905.805.145
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		127.134.589	15.923.964.646
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.977.912.409	3.091.530.684
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		172.273	(37.582.921)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		19.105.219.271	18.977.912.409

Bình Định, ngày 21 tháng 01 năm 2020



Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2019 -> 31/12/2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức vốn chủ sở hữu: Công ty cổ phần

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt là PISICO) tiền thân là Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Bình Định là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 01/9/2010.

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyên Tổng công ty Sản Xuất Đầu tư Dịch Vụ XNK Bình Định thành Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần 7 vào ngày 03/11/2017.

Trụ sở chính của PISICO đặt tại 99 Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

2. Lĩnh vực kinh doanh: Công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh của PISICO theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

Trồng và khai thác rừng; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Thăm dò, khai thác, chế biến mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu cho ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Kinh doanh dịch vụ cảng biển; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ ăn uống; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, giao nhận và bảo quản hàng hóa; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản; Đầu tư tài chính vào các DN,....

4. Chu kỳ kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

a. Danh sách các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP DV PT Hạ tầng P.B.C	Phường Nhơn Bình, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	70,83%	70,83%
Cty TNHH MTV truyền hình Cấp Quy Nhơn	198 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	10.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	24.500.000.000	51%	51%
Công ty TNHH MTV HR PISICO	99 Tây Sơn, TP.Quy nhơn	5.000.000.000	100%	100%

b. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu và Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	99 Tây Sơn, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	180.000.000.000	50,00%
Công ty CP chế biến gỗ PISICO Đồng An	Lô C, KCN Đồng An, Huyện Thuận An, Bình Dương	17.600.000.000	31,28%
Công ty CP chế biến gỗ Nội Thất PISICO	Lô C6-C7, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	40,01%
Công ty CP PISICO Hà Thanh	Cụm Công nghiệp Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	16.500.000.000	44,97%
Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	Thôn Quy hội, Xã Phước An, Huyện Tuy Phước, Bình Định	20.000.000.000	35,00%

c. Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

► Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico - Chi nhánh Pisico

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

► Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico - Chi nhánh Pisico

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

► Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico - Chi nhánh Pisico

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của PISICO bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

PISICO áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của PISICO được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam)

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi NH và tiền đang chuyên, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm mà PISICO có quyền sở hữu: đối với chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0); đối với chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các khoản chi phí liên quan trực tiếp.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Được ghi sổ kế toán theo giá gốc

Dự phòng được trích lập theo quy định của pháp luật trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi và ghi nhận số tổn thất.

Các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ.

c) Các khoản cho vay

d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu: các khoản phải thu bao gồm

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phải thu nội bộ bao gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải thu khác gồm các các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, theo loại nguyên tệ và theo dõi chi tiết về kỳ hạn nợ nhằm phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn khi lập báo cáo tài chính.

Các khoản phải thu được phân loại là các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.

Giá gốc của hàng tồn kho là nguyên vật liệu, CCDC và hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho là thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên liệu và chi phí sản xuất chung.

Hàng tồn kho được đánh giá thực tế trên cơ sở kiểm kê số lượng, chất lượng thực tế, mặt bằng giá thị trường hiện thời và giá trị hình thành của tài sản.

Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm phát sinh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

a. Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định và bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và TT 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của TT 45/2013/TT-BTC

b. Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính

c. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản của Tổng Công ty là các công trình hạ tầng khu công nghiệp. Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 15 đến 20 năm.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

10. Nguyên tắc kế toán Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, theo loại nguyên tệ và theo dõi chi tiết về kỳ hạn nợ nhằm phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn khi lập báo cáo tài chính.

Các khoản phải trả được phân loại là các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ.

Dự phòng các khoản phải trả được lập đảm bảo phù hợp với các quy định của Nhà nước

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Khi bán hàng hóa, TP doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

23. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

V. THÔNG TIN CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Tiền mặt	163.039.105	506.027.399
Tiền gửi ngân hàng	18.942.180.166	18.471.885.010
Cộng	19.105.219.271	18.977.912.409

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2. Các khoản đầu tư tài chính****c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Cổ phiếu	Giá trị	Cổ phiếu	Giá trị
c.1 Đầu tư vào Công ty con	-	38.196.355.290	-	33.196.355.290
- Công ty CP DV PT Hạ tầng P.B.C	1.062.500	13.625.000.000	1.062.500	13.625.000.000
- Cty TNHH MTV truyền hình Cáp Quy Nhơn	-	5.469.524.664	-	5.469.524.664
- Cty Nguyên liệu giấy QN	-	14.101.830.626	-	14.101.830.626
- Cty TNHH MTV HR PISICO		5.000.000.000		
c.2 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	-	138.040.333.312	-	138.040.333.312
- Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	9.000.000	110.011.633.155	9.000.000	110.011.633.155
- Công ty CP chế biến gỗ PISICO Đồng An	550.528	5.812.449.600	550.528	5.812.449.600
- Công ty CP chế biến gỗ Nội thất PISICO	600.200	7.796.250.557	600.200	7.796.250.557
- Công ty CP PISICO - Hà Thanh	742.000	7.420.000.000	742.000	7.420.000.000
- Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO		7.000.000.000		7.000.000.000
c.3 Đầu tư dài hạn khác	-	7.451.619.996	-	7.451.619.996
- Cổ phiếu VICOSIMEX	3.000	35.000.000	3.000	35.000.000
- Công ty CP CB tinh bột sắn Bình Định	355.810	3.639.669.130	355.810	3.639.669.130
- Cty CP CB LS PISICO Quảng Nam	22.750	3.776.950.866	22.750	3.776.950.866
Cộng	-	183.688.308.598	-	178.688.308.598

c.4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Dự phòng đầu tư vào các Công ty liên doanh, liên kết	1.132.112.279	-
- Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	1.132.112.279	-
Dự phòng đầu tư vào các khoản đầu tư dài hạn khác	883.905.973	883.905.973
- Công ty CP chế biến tinh bột sắn XK Bình Định	883.905.973	883.905.973
Cộng	2.016.018.252	883.905.973

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	14.174.355.331	50.083.314.712
Văn phòng Tổng Công ty	2.825.838.451	561.718.389
Công ty TNHH TM Ánh Việt	55.488.800	23.878.196
Công ty TNHH TM Ánh Vy	55.488.800	23.878.196
Cty TNHH An Lộc Phát	4.106.769	
Công ty TNHH TM DV Vân Nguyễn	486.167.282	486.167.282
Công ty CP VLXD Mỹ Quang	10.000.000	27.794.715
Công ty CP PISICO- Thanh	722.885.300	
Công ty CP HD Furniture Group	305.865.000	
Công ty NLG Qui Nhơn	1.185.836.500	
Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO	6.510.405.391	45.094.784.581
Khách hàng DEHNER		909.991.500
Công ty TNHH TM Ánh Vy	1.452.090.750	838.711.500
Cty TNHH SX TM Lê Dung	-	197.717.161
Khách hàng A-MIR (Garden Team)		688.540.322
Công ty TNHH SXTM Tâm Phú	601.118.358	
Công ty CP Kỹ nghệ gỗ Tiến Đạt	1.639.003.424	
Khách hàng ASINDO	2.818.192.859	1.122.415.470
Cty CP HD Rurniture Group		118.212.050
Khách hàng Globus (nordio)		1.365.870.845
Khách hàng ADEO	-	39.853.325.733
Xí nghiệp kinh doanh & Phát triển Hạ tầng PISICO	4.838.111.489	4.426.811.742
Công ty CP ĐT Quốc tế & XNK DHT	1.063.628.703	998.355.952
Công ty CP gỗ Đại Phúc	318.441.805	1.255.429.790
Công ty TNHH Thành Luân	300.774.889	250.456.687
Công ty TNHH Hoàng Gia	468.322.855	227.151.025
Công ty TNHH Vạn Đại	1.911.231.113	1.286.870.841
Công ty CP PISICO Hà Thanh	437.513.930	-
Công ty bao bì Hòa Phát	315.115.937	405.228.500
Công ty TNHH XD & MT Long Phước	-	3.318.947
Công ty CP Phú tài (Nhà máy CB Đá 380)	23.082.257	-
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	14.174.355.331	50.083.314.712

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán**

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	60.616.251.180	62.093.000.000
Văn phòng Tổng Công ty	60.281.751.180	61.100.000.000
Cty TNHH Nguyên liệu giấy QN	-	1.000.000.000
Cty TNHH May thuê An Phước	17.346.000	
Công ty TNHH TM Ánh Việt	17.000.000.000	17.000.000.000
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	43.000.000.000	43.000.000.000
Cty TNHH MTV Toyota Bình Định	-	50.000.000
Công ty CP chứng khoán NH Công thương VN	50.000.000	50.000.000
Cty TNHH DV Danh Thắng	214.405.180	-
Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO	4.500.000	308.000.000
Cty TNHH Cơ khí Lam Sơn	4.500.000	308.000.000
Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO	330.000.000	685.000.000
Cty TNHH Vũ Hà	-	25.000.000
Cty TNHH ĐT & XD Lê Gia	230.000.000	-
Cty TNHH MTV Hậu Minh	-	660.000.000
Công ty TNHH DV Danh Thắng	100.000.000	-
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	60.616.251.180	62.093.000.000

5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Phải thu khác ngắn hạn	17.909.740.369	5.761.674.356
Văn phòng Tổng Công ty	17.860.318.301	5.686.522.386
Công ty CP KD CNN Bình Định	669.747.800	-
Công ty CP chế biến Tinh bột sắn Bình Định	1.033.203.572	1.033.203.572
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	2.795.000.000	
Công ty TNHH TM Ánh Việt	1.105.000.000	
Công ty TNHH TM Ánh Vy	87.303.392	
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	14.776.137	14.275.814
Cổ tức đầu tư ngoài doanh nghiệp	12.150.200.400	4.426.456.000
Tạm ứng CBCNV của Văn phòng Tổng Công ty	5.087.000	212.587.000
Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO	46.968.480	67.416.856
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	44.846.080	67.416.856
Tạm ứng CBCNV của XN CB LS XK PISICO	2.122.400	-
Xí nghiệp kinh doanh & Phát triển Hạ tầng PISICO	2.453.588	7.735.114
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	2.453.588	7.735.114
Tạm ứng CBCNV của XN KD & PT HT	-	5.000.000
Cộng	17.909.740.369	5.761.674.356

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu khó đòi**

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	1.857.395.146	1.792.942.187

*** Chi tiết:**

Tại ngày 31/12/2019			Tại ngày 01/01/2019		
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
541.765.308	-	Trên 3 năm	486.167.282	-	Trên 3 năm
900.962.269	270.288.679	Từ 2-3 năm	55.598.026	16.679.408	Từ 2-3 năm
1.030.989.435	515.494.718	Từ 1-2 năm	1.965.005.639	982.502.818	Từ 1-2 năm
564.871.771	395.410.240	Từ 6 tháng - 1 năm	951.178.220	665.824.754	Từ 6 tháng - 1 năm
3.038.588.783	1.181.193.637		3.457.949.167	1.665.006.980	

7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Nguyên liệu, vật liệu	13.792.612.856	16.458.025.184
Công cụ, dụng cụ	33.154.821	58.817.131
Sản phẩm dở dang	11.007.345.684	19.217.880.842
Thành phẩm	348.428.738	2.517.628.143
Hàng hóa	645.609.522	645.609.522
Hàng mua đang đi đường	139.228.076	-
Cộng	25.966.379.697	38.897.960.822

8. Tài sản dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	5.758.621.872	5.206.159.885
- CP Trồng rừng Rừng kinh tế	5.758.621.872	5.206.159.885
b. Xây dựng cơ bản dở dang	631.127.009	1.753.676.009
Mua sắm tài sản cố định (XNCB)	-	1.122.549.000
XDCB TSCĐ dở dang	631.127.009	631.127.009
- XDCB Cụm công nghiệp Canh Vinh	631.127.009	631.127.009
Cộng	6.389.748.881	6.959.835.894

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
a Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2019	63.418.895.741	26.800.854.434	10.143.768.899	810.556.469	887.959.341	102.062.034.884
Đầu tư mới	1.472.549.000	-	1.103.945.455	-	-	2.576.494.455
Thanh lý TSCĐ	-	2.727.609.499	300.000.000	-	-	3.027.609.499
Tại ngày 31/12/2019	64.891.444.741	24.073.244.935	10.947.714.354	810.556.469	887.959.341	101.610.919.840
b Giá trị hao mòn						
Tại ngày 01/01/2019	22.644.615.374	17.306.734.543	5.814.170.020	666.789.166	722.276.845	47.154.585.948
Trích khấu hao	2.852.236.198	1.197.774.497	776.761.218	90.944.124	53.929.204	4.971.645.241
Thanh lý TSCĐ	-	2.469.927.580	300.000.000	-	-	2.769.927.580
Tại ngày 31/12/2019	25.496.851.572	16.034.581.460	6.290.931.238	757.733.290	776.206.049	49.356.303.609
c Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2019	40.774.280.367	9.494.119.891	4.329.598.879	143.767.303	165.682.496	54.907.448.936
Tại ngày 31/12/2019	39.394.593.169	8.038.663.475	4.656.783.116	52.823.179	111.753.292	52.254.616.231

10. Tài sản cố định vô hình

	QSD đất VP TCTy	Quyền sử dụng đất CN HCM	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
a Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2019	13.607.264.000	-	54.000.000	13.661.264.000
Tại ngày 31/12/2019	13.607.264.000	-	54.000.000	13.661.264.000
b Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2019	1.779.482.352	-	27.000.000	1.806.482.352
Trích khấu hao	308.640.288	-	13.500.000	322.140.288
Tại ngày 31/12/2019	2.088.122.640	-	40.500.000	2.128.622.640
c Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	11.827.781.648	-	27.000.000	11.854.781.648
Tại ngày 31/12/2019	11.519.141.360	-	13.500.000	11.532.641.360

11. Bất động sản đầu tư**Cụm công nghiệp Cát
Nhơn + C.Vinh**

a Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2019	49.918.690.032
Đầu tư mới	130.660.000
Tại ngày 31/12/2019	50.049.350.032

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Cụm công nghiệp Cát Nhơn + C.Vinh				
b Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2019	8.989.842.963				
Trích khấu hao	696.732.340				
Tại ngày 31/12/2019	9.686.575.303				
	Cụm công nghiệp Cát Nhơn + C.Vinh				
c Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2019	40.928.847.069				
Tại ngày 31/12/2019	40.362.774.729				
12. Chi phí trả trước					
	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019			
Chi phí trả trước ngắn hạn	339.288.549	155.218.397			
Chi phí trả trước dài hạn	6.298.709.430	5.915.274.122			
Cộng	6.637.997.979	6.070.492.519			
13. Vay và nợ thuê tài chính					
	Tại ngày 01/01/2019	Tiền vay nhận được trong kỳ	Tiền vay đã trả trong kỳ	CLTG cuối kỳ	Tại ngày 31/12/2019
a. Vay ngắn hạn	83.451.000.345	138.576.308.674	180.826.302.915	29.261.550	41.230.267.654
Tổ chức tín dụng	83.451.000.345	134.576.308.674	180.826.302.915	29.261.550	37.230.267.654
Vay VND	44.644.007.480	101.693.908.488	119.038.821.764	-	27.299.094.204
Vay USD	38.806.992.865	32.882.400.186	61.787.481.151	29.261.550	9.931.173.450
Truyền hình cáp Quy Nhơn	-	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Vay VND	-	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng cộng (a) + (b)	83.451.000.345	138.576.308.674	180.826.302.915	29.261.550	41.230.267.654
14. Phải trả người bán					
		Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019		
a. Phải trả người bán ngắn hạn		4.809.829.134	14.663.234.359		
DNTN Dệt May TM Vạn Phát		1.000.000.000	1.000.000.000		
Công ty cổ phần phần mềm thông tin kinh doanh		9.000.000	9.000.000		
Công ty TNHH Thảo Truyền		151.900.000	151.900.000		
Cty Lào BIDINA		139.228.076			
Công ty TNHH SX TM & DV Đức Thịnh		830.584.375			
Công ty TNHH MTV DV Hải Sơn		34.700.000			
Công ty TNHH MTV Hậu Minh		154.434.720			

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Công ty TNHH Đức Thành	227.271.599	1.435.695.350
Công ty TNHH Lê Gia		662.102.754
Công ty TNHH Hoàng Trang	247.907.253	1.630.858.680
Công ty TNHH BB Quảng Cáo Hoàng Anh	12.365.650	
Khách hàng Lê Hữu Tài	20.947.568	7.860.696
Công ty TNHH Hóa Keo Bình Thạnh		166.761.265
Công ty TNHH SX TM Thanh Phước	8.305.000	
Công ty TNHH SX TM Bảo Bảo		41.692.816
Cửa hàng Hoàng Yên		108.088.800
Công ty MTV VT Thái Hưng	4.472.600	64.340.100
DNTN Quang huy	25.405.600	67.639.000
Cửa hàng TCT		138.360.600
Cty TNHH An Nhật Tân	1.100.000	
Khách hàng Nguyễn Hạnh Cúc		131.715.000
Khách hàng Kim Tuyền	5.400.200	76.748.680
Công ty TNHH Hưng Lợi Phát	128.736.014	
Công ty CP Cấp thoát nước Bình Định	13.082.463	
Hoàng Thị Thần	4.589.000	
Hiệu Buôn Hà Thái	4.920.000	
Công ty TNHH DV TM Tân Phát	24.812.480	202.523.200
Công ty TNHH kỹ nghệ Eco	281.172.476	521.313.920
Cửa hàng Đức Toán	149.739.900	-
Cty TNHH SX BB và in ấn Trương Gia	-	718.685.748
Công ty CP Tân Tiến	-	661.957.843
Cty TNHH SX TB Cơ khí Lam Sơn	19.250.000	-
Công ty TNHH SX TM Xuyên Việt	-	154.827.200
Công ty TNHH Tân Bình	-	338.837.456
Công ty CP SX TM Vĩnh Phúc	215.546.100	633.446.000
Công ty TNHH Xuân Huy Phát	-	220.444.360
Công ty Nhân mác Gia Phát	1.320.000	-
Công ty TNHH TMDV VT A Quân	64.022.640	-
CH Đồng Tâm	4.510.000	-
Nguyễn Thị Minh Hiền	9.000.000	-
Huỳnh Thị Toàn Cầu	737.000	-
Cơ điện Minh Hùng	1.220.000	-
CN Công ty CP CPN Muôn Phương	6.333.034	-
Công ty Nước khoáng Quy Nhơn	2.349.204	-

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Cty TNHH SX TM Sao Vàng	-	32.255.960
XN Lắp máy và XD Quang Trung	-	44.880.400
Công ty TNHH SX TM DV Q&B	-	44.550.000
CN Xăng dầu Quân đội KV Tây Nguyên	2.077.600	-
Công ty TNHH TM và MT Hậu sanh	10.000.000	10.000.000
Công ty TNHH MTV CK Thế Bằng	5.876.596	781.883.553
Cty CP XNK & TM DV Bông Súng	-	245.271.400
CN Cty CP G.Định Đại Việt tại Đ.Năng	5.830.000	21.450.000
Khách hàng Phúc Thành	7.560.000	2.160.000
Cty TNHH CB Nước mắm Mười Thu	-	159.166.082
Cty TNHH Việt Nam BLS	-	12.217.432
Công ty TNHH SX TM DV Tân Thành Long	-	5.790.400
Cửa hàng dầu nhớt Út Mỹ	-	3.000.000
Công ty TNHH KTL	420.000	-
Công ty TNHH Thành phát VINA	750.200	27.244.800
Cty TNHH Nguyên liệu giấy QN	-	28.556.000
Công ty CP XL Điện Tuy Phước	113.102.409	67.722.944
Công ty TNHH SX TM Trường Phước	-	21.895.000
Cty CP Trường Hải	-	550.699.030
CTy CP Petec Bình Định	6.767.000	7.358.400
DNTN Lê Huy Huyền	5.576.000	-
Cty TNHH Gỗ Thành Phúc	-	3.315.037.990
Cty TNHH TM DV T.U.T	5.456.000	26.108.500
Vinatrans Quy Nhơn	2.550.000	12.012.000
Công ty TNHH Tư vấn TMDV Thanh Tâm	6.501.000	
Công ty TNHH MTV Tân Anh Tuấn	51.756.540	
CH Thiết bị máy VP Sao Mai	3.375.000	
TT Kiểm định An toàn máy BĐ	5.900.000	
Cty TNHH TMDV Phước Thành	1.320.000	
Cửa hàng Phúc Khôi	43.293.305	
Lưu Thị Ngọc	3.000.000	
Cty TNHH DV và TM D.L.C Việt Nam	11.165.000	
Cty TNHH MTV vận tải & TM Toàn Tâm	7.042.490	11.290.000
DNTN Lê Huy Huyền	323.291.650	87.885.000
Cty TNHH MTV Hậu Minh	343.557.925	
DNTN TM Bình An	18.541.900	
TT Nước sạch & Vệ sinh MT	20.755.567	-
Cộng	4.809.829.134	14.663.234.359

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**15. Người mua trả trước tiền hàng**

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Người mua trả trước tiền hàng ngắn hạn	6.585.631.468	6.627.689.603
Văn phòng Tổng Công ty	6.208.649.831	4.757.763.704
Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn	4.808.649.831	4.757.763.704
Công ty TNHH ĐT XD YT Gia Thanh	1.400.000.000	-
Xí nghiệp chế biến lâm sản XK PISICO	325.481.637	1.620.782.899
Khách hàng HARTMAN	5.646.904	403.713.753
Khách hàng SMT J/S	6.868.170	6.868.170
Khách hàng FREE STYLE	10.765.826	10.765.826
Khách hàng CCST LTD	23.687.697	1.157.663.530
Khách hàng Charrles Bentley	278.513.040	
CN Cty CP Phú Tài tại TP.HCM		41.771.620
Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO	-	171.081.000
Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn		171.081.000
Xí nghiệp kinh doanh & PT hạ tầng PISICO	51.500.000	78.062.000
Công ty TNHH SX Gia Hưng	50.000.000	
Công ty TNHH TM XD Long Phước	1.500.000	
Công ty CP PISICO Hà Thanh	-	78.062.000
b. Người mua trả trước tiền hàng dài hạn	-	-
Cộng	6.585.631.468	6.627.689.603

16. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 31/12/2019	
				Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT bán hàng nội địa	-	851.375.633	791.110.976	60.264.657	-
Thuế GTGT hàng NK		13.850.886	8.187.325	5.663.561	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.781.251.532	4.781.251.532	-	-
Thuế thu nhập DN	1.239.595.967	2.681.197.249	1.836.154.051	2.084.639.165	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Thuế nhà đất, thuế đất	-	517.288.932	517.288.932	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.249.998	387.568.329	355.272.497	39.545.830	-
Thuế khác	-	109.400.000	109.400.000	-	-
Cộng	1.246.845.965	9.347.932.561	8.404.665.313	2.190.113.213	-

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả**

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Ngắn hạn	757.232.452	587.126.555
Lãi vay phải trả	32.413.881	71.284.337
Phi kiểm toán BCTC tổng hợp và hợp nhất	160.000.000	192.000.000
Thủ lao HĐQT, thư ký và BKS không chuyên trách	204.000.000	-
Các khoản chi khác	119.390.950	179.903.018
Tiền ăn ca	72.940.700	143.939.200
Phi hoa hồng môi giới	168.486.921	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	757.232.452	587.126.555

18. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Ngắn hạn	4.708.155.331	2.026.379.408
Kinh phí công đoàn	703.480.585	666.710.803
Tiền cọc thuê Văn phòng	134.000.000	-
Giá trị bảo hành các hạng mục XD CB	10.000.000	27.808.000
Cty Truyền hình Cấp Quy Nhơn (Lãi dự trả cho TH Cấp)	16.924.932	-
Cty TNHH MTV HR PISICO	2.710.000.000	-
Công ty CP TMĐT&PT Miền Núi	113.784.055	113.784.055
Phải trả công đoàn TCTy	283.824.310	370.656.422
Tiền ốm đau, thai sản (Có 1388)	-	39.673.200
Công ty Cổ phần thực phẩm XK Bình Định	712.971.000	712.971.000
Các khoản phải trả khác	23.170.449	94.775.928
Cộng	4.708.155.331	2.026.379.408

19. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Ngắn hạn	3.037.370.971	2.771.269.807
Cho thuê Văn phòng làm việc	279.375.000	157.500.000
Cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp	2.757.995.971	2.613.769.807
b. Dài hạn	72.155.169.783	60.993.222.670
Cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp	72.155.169.783	60.993.222.670
Cộng	75.192.540.754	63.764.492.477

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi	Quỹ thưởng Ban QLĐH	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2019	1.032.655.393	1.061.345.081	-	2.094.000.474
Tăng trong năm	710.403.288	472.208.859	240.000.000	1.422.612.147
- Trích trong năm	708.313.288	472.208.859	240.000.000	1.420.522.147
- Thu khác trong năm	2.090.000	-	-	2.090.000
Giảm trong năm	902.828.000	1.057.629.335	240.000.000	2.200.457.335
- Chi trong năm	902.828.000	1.057.629.335	240.000.000	2.200.457.335
Tại ngày 31/12/2019	840.230.681	475.924.605	-	1.316.155.286

21. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2018	275.000.000.000	11.397.496.193	15.237.045.974	301.634.542.167
Lợi nhuận 2018	-	-	33.729.204.204	33.729.204.204
Chia cổ tức	-	-	(22.000.000.000)	(22.000.000.000)
Quỹ khen thưởng	-	-	(1.463.089.262)	(1.463.089.262)
Quỹ phúc lợi	-	-	(975.392.841)	(975.392.841)
Quỹ thưởng BĐH	-	-	(240.000.000)	(240.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	275.000.000.000	11.397.496.193	24.287.768.075	310.685.264.268
Tại ngày 01/01/2019	275.000.000.000	11.397.496.193	24.287.768.075	310.685.264.268
Lợi nhuận 2019	-	-	27.999.793.724	27.999.793.724
Chia cổ tức	-	-	(22.825.000.000)	(22.825.000.000)
Quỹ khen thưởng	-	-	(708.313.288)	(708.313.288)
Quỹ phúc lợi	-	-	(472.208.859)	(472.208.859)
Quỹ thưởng BĐH	-	-	(240.000.000)	(240.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	275.000.000.000	11.397.496.193	28.042.039.652	314.439.535.845

Vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Cổ đông				
Các cổ đông khác	3,17	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Vy	96,83	266.270.000.000	96,83	266.270.000.000
Cộng	-	275.000.000.000	-	275.000.000.000

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

22. Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Thuế suất thuế TNDN để XĐ giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.957.366.860	4.957.366.860
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.296.353.941)	(2.587.180.247)
	<u>1.661.012.919</u>	<u>2.370.186.613</u>

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
c. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	135.147,29	313.419,88
EURO	313,14	349,66
d. Nợ khó đòi đã xử lý	5.623.669.639	5.623.669.639
Công ty CP XNK Bình Định (tại Văn phòng)	3.794.772.973	3.794.772.973
Cty CP CBLS Hưng Phú (tại Chi nhánh Tp.HCM)	1.828.896.666	1.828.896.666

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Tổng doanh thu	408.617.184.267	427.967.571.063
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	408.617.184.267	427.967.571.063
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	319.133.105.113	339.363.908.845
Doanh thu cung cấp dịch vụ	85.765.880.842	84.968.349.675
Doanh thu cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	3.718.198.312	3.635.312.543

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa	295.776.980.972	298.183.628.236
Giá vốn cung cấp dịch vụ	71.501.650.246	70.351.383.163
Giá vốn cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	2.586.719.928	2.857.258.446
Cộng	369.865.351.146	371.392.269.845

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Lãi tiền gửi Ngân hàng	9.553.096	96.493.639
Thu lãi ứng vốn và chậm thanh toán	4.657.051.192	321.322.365
Cổ tức và lợi nhuận được chia	17.480.442.400	16.638.956.900
Lãi chênh lệch tỷ giá	857.514.005	1.308.002.993
Cộng	23.004.560.693	18.364.775.897

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Chi phí lãi vay	3.063.241.138	2.121.599.150
Chênh lệch tỷ giá trong kỳ	366.792.950	790.209.595
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	29.089.277	-
Dự phòng đầu tư tài chính	1.132.112.279	(1.920.960.968)
Cộng	4.591.235.644	990.847.777

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	3.230.679.214	10.235.854.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.758.509.384	4.100.961.690
Chi phí khác	6.954.445.466	8.473.365.573
Cộng	11.943.634.064	22.810.181.977

6. Chi phí quản lý

	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Chi phí nhân viên	4.064.063.497	3.819.128.813
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	888.936.671	615.835.081
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.399.302.929	2.372.896.284
Chi phí dự phòng	64.452.959	(42.050.516)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.340.831.023	2.821.642.425
Chi phí khác	3.257.235.067	5.209.632.336
Cộng	14.014.822.146	14.797.084.423

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Lãi từ thanh lý TSCĐ	55.045.353	257.630.864
Xử lý nợ	-	233
Thu nhập khác	128.945.942	823.448.996
Cộng	183.991.295	1.081.080.093

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Các khoản chi khác	528.588	4.877.486
Cộng	528.588	4.877.486

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Tổng lợi nhuận trước thuế	31.390.164.667	37.418.165.545
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.324.414.174	2.061.936.471
- CP Khấu hao TSCĐ ô tô trên 1,6 tỷ	121.220.000	121.220.000
- Lỗ đánh giá SD ngoại tệ năm nay	-	251.403.450
- Chi phí khác	1.203.194.174	1.689.313.021
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	19.308.592.595	21.035.295.312
- Lợi nhuận đầu tư ngoài doanh nghiệp	17.480.442.400	16.638.956.900
- Lỗ đánh giá SD ngoại tệ năm trước	251.403.450	20.105.463
- Lãi đánh giá SD ngoại tệ năm nay	172.273	
- Chi phí khác	1.576.574.472	4.376.232.949
Tổng thu nhập chịu thuế	13.405.986.246	18.444.806.704
- Thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%	2.681.197.249	3.688.961.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.681.197.249	3.688.961.341

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.963.803.036	90.273.947.068
Chi phí nhân công	29.689.092.272	38.781.006.638
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.990.517.869	6.441.438.761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.968.220.670	67.207.989.714
Chi phí khác bằng tiền	25.917.364.078	27.529.253.603
Cộng	146.528.997.925	230.233.635.784

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Khấu hao tài sản cố định

	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	4.971.645.241	5.175.895.926
Khấu hao tài sản cố định vô hình	322.140.288	322.140.288
Khấu hao bất động sản	696.732.340	943.402.547
Cộng	5.990.517.869	6.441.438.761

2. Các khoản dự phòng

	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	1.132.112.279	(1.920.960.968)
Dự phòng phải thu khó đòi	64.452.959	(701.796.066)
Cộng	1.196.565.238	(2.622.757.034)

3. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.553.096	96.493.639
Lãi tiền cho vay vốn, chậm thanh toán	4.657.051.192	321.322.365
Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư ra ngoài doanh nghiệp	17.480.442.400	16.638.956.900
Thu thanh lý tài sản	55.045.353	257.630.864
Cộng	22.202.092.041	17.314.403.768

4. Tiền thu từ đi vay

	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Tiền vay ngân hàng	138.576.308.674	288.696.824.638
Cộng	138.576.308.674	288.696.824.638

5. Tiền chi trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Tiền vay ngân hàng	180.826.302.915	257.791.019.493
Cộng	180.826.302.915	257.791.019.493

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan

Danh sách các bên liên quan:

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Công ty con
Công ty CP DV PT Hạ tầng PBC	Công ty con
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Công ty con
Công ty TNHH MTV HR PISICO	Công ty con
Công ty CP KD CNN Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Bidina Lào	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO	Công ty liên kết
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	Cùng chủ sở hữu

- Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan:

Bên liên quan	Giao dịch	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Lợi nhuận được chia	1.850.000.000	3.000.000.000
	Vay vốn	4.000.000.000	-
	Lãi vay phải trả	16.924.932	-
	Doanh thu cho thuê VP	480.000.000	192.000.000
Công ty CP DV PT Hạ tầng PBC	Lợi nhuận được chia	-	2.656.250.000
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Lợi nhuận được chia	2.935.050.000	2.422.500.000
	Mua hàng	90.094.033.845	84.807.674.178
	Góp vốn	-	3.000.000.000
	Bán hàng	5.425.208.400	-
Công ty TNHH MTV HR PISICO	Góp vốn	5.000.000.000	-
Công ty CP CNN Bình Định	Lãi cho vay	669.747.800	-
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Pisico	Bán hàng	4.268.594.602	1.019.702.384
	Cổ tức được chia	2.100.700.000	4.141.380.000
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	Bán hàng	-	370.563.200
	Cổ tức được chia	1.816.742.400	2.367.270.400

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bên liên quan	Giao dịch	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Bán hàng hoá	6.224.378.900	9.220.961.900
	Cho thuê CSHT	780.535.254	789.497.537
	Cổ tức được chia	2.226.000.000	
	Lãi ứng trước tiền hàng	-	93.347.222
	Mua hàng	137.943.345.817	59.163.918.819
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO	Thu lại tiền ứng vốn	-	800.000.000
	Lãi ứng vốn	-	39.760.932
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Doanh thu cho thuê VP	92.944.261	83.136.407
	Lãi ứng trước tiền hàng	1.105.000.000	-
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	Lãi ứng trước tiền hàng	2.795.000.000	-
	Doanh thu cho thuê VP	92.944.261	83.136.407
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Doanh thu bán gỗ	557.617.500	762.465.000
	Cho vay	14.220.780.000	-
	Lãi cho vay	87.303.392	-
	Mua gỗ	139.228.076	-
- Số dư với các bên liên quan:			
Bên liên quan	Khoản mục	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Phải trả khác ngắn hạn	16.924.932	11.344.428
	Vay tài chính ngắn hạn	4.000.000.000	-
Công ty CP DV PT Hạ tầng PBC	Phải thu khác	-	2.125.000.000
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Trả trước cho người bán	-	1.000.000.000
	Phải trả nhà cung cấp	-	28.556.000
	Phải thu khách hàng	1.185.836.500	
Công ty TNHH MTV HR PISICO	Phải trả khác	2.710.000.000	-
Công ty CP CNN Bình Định	Phải thu về cho vay	4.189.220.000	12.380.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	669.747.800	-
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Pisico	Phải thu khác ngắn hạn	-	1.200.400.000
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	Phải thu khác ngắn hạn	-	1.101.056.000

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bên liên quan	Khoản mục	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Người mua trả trước	-	78.062.000
	Phải thu khách hàng	1.160.399.230	-
	Phải thu khác ngắn hạn	-	-
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Phải thu khách hàng	55.488.800	23.878.196
	Ứng trước cho người bán	17.000.000.000	17.000.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	1.105.000.000	-
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	Ứng trước cho người bán	43.000.000.000	43.000.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	2.795.000.000	-
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Phải thu khách hàng	1.507.579.550	862.589.696
	Phải thu về cho vay	14.220.780.000	-
	Phải thu khác ngắn hạn	87.303.392	-
Công ty Bidina Lào	Phải trả nhà cung cấp	139.228.076	-

2. Thông tin khác

Bình Định, ngày 01 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đồng Thị Ánh
Tổng giám đốc